

Số: /QĐ-UBND Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án phát triển và quản lý tín chỉ các-bon rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị Quyết 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;

Căn cứ Nghị định số 180/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng;

Căn cứ Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về sàn giao dịch các-bon trong nước;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam”;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND thành phố lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc sử dụng nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon cho các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ thành phố và Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố về cập nhật, bổ sung Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND thành phố, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 theo các chủ trương, chính sách của Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026 về việc phê duyệt Đề án phát triển và quản lý tín chỉ các-bon rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển và quản lý tín chỉ các-bon rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035, với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC

1. Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam; góp phần thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), phù hợp với lộ trình hình thành và phát triển thị trường các-bon trong nước theo quy định của Chính phủ.

2. Xác định dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là dịch vụ môi trường rừng cốt lõi theo quy định tại Nghị định số 180/2026/NĐ-CP; trong đó, tín chỉ các-bon rừng là loại hàng hóa đặc biệt, một loại hình dịch vụ môi trường rừng gắn chặt với nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu môi trường, kinh tế và xã hội, đồng thời tạo nguồn lực tài chính hợp pháp, bền vững để tái đầu tư trực tiếp cho công tác lâm nghiệp trên địa bàn thành phố.

3. Việc triển khai các dự án các-bon rừng phải bảo đảm không làm ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học rừng, an ninh nguồn nước và chức năng phòng hộ của rừng; đồng thời không làm thay đổi chế

độ quản lý rừng, tuân thủ nghiêm quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đề án được tổ chức triển khai theo lộ trình thí điểm, thận trọng, có kiểm soát, phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố Đà Nẵng; ưu tiên lựa chọn các dự án các-bon rừng có tính khả thi cao, hiệu quả môi trường rõ ràng, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, chủ rừng và cộng đồng dân cư có liên quan.

5. Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và dịch vụ môi trường rừng, phù hợp với quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng tại Nghị định số 180/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong toàn bộ quá trình xây dựng, đăng ký, tổ chức thực hiện, đo đạc, báo cáo, thẩm định, xác minh và giao dịch tín chỉ các-bon rừng; phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ rủi ro tính trùng lặp tín chỉ các-bon, bảo đảm tính toàn vẹn môi trường và độ tin cậy của tín chỉ phát hành.

7. Các dự án các-bon rừng phải chứng minh được tính bổ sung (additionality), đáp ứng yêu cầu điều chỉnh tương ứng nếu cần áp dụng, không trùng lặp về mục tiêu, nội dung và kết quả với các chương trình, dự án các-bon rừng đã và đang triển khai trên cùng một diện tích rừng hoặc cùng một nguồn phát thải theo quy định.

8. Việc phân chia lợi ích từ tín chỉ các-bon rừng phải bảo đảm công bằng, hợp lý, minh bạch, ưu tiên cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; đồng thời góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống cho cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng, gắn trách nhiệm với quyền lợi trong quản lý tài nguyên rừng

9. Huy động sự tham gia của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là các tổ chức đã và đang phối hợp với thành phố triển khai các hoạt động trong các lĩnh vực liên quan nhằm vận dụng tối đa kiến thức, kinh nghiệm và nguồn lực để thực hiện chương trình này.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC); từng bước tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế theo lộ trình và quy định quốc gia; đồng thời hình thành nguồn lực tài chính hợp pháp để tái đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

Thúc đẩy chuyển đổi xanh, ứng dụng công nghệ phát thải thấp, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và khả năng tham gia của đối tác quốc tế, doanh nghiệp, chủ rừng; góp phần phát triển nền kinh tế các-bon thấp, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030

a) Điều tra, đánh giá tiềm năng và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước

Hoàn thành việc điều tra, rà soát, xác định hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố; tính toán, xác định trữ lượng các-bon rừng; rà soát, phân loại 100% diện tích rừng có tiềm năng triển khai dự án các-bon rừng. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu nền, xác lập đường cơ sở (baseline) và mức tham chiếu phát thải rừng (FREL/FRL), bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và quy định của pháp luật.

b) Triển khai thí điểm các dự án các-bon rừng

Tổ chức triển khai từ 01 đến 03 dự án các-bon rừng thí điểm trên địa bàn thành phố, thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm hoàn thiện quy trình, đặc biệt thực hiện đầy đủ quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định và xác minh (MRV) theo quy định, bảo đảm kết quả giảm phát thải và tăng hấp thụ các-bon được kiểm soát, xác nhận hợp lệ hướng đến hình thành thị trường các bon trên địa bàn thành phố không những đóng góp cho NDC của Việt Nam mà còn tham gia thị trường kinh doanh các-bon trong nước và quốc tế.

c) Tổ chức thực hiện dịch vụ môi trường rừng về các-bon rừng

Triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng theo quy định của pháp luật; xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý, giám sát và phân chia lợi ích, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và hiệu quả.

d) Nâng cao năng lực quản lý và sự tham gia của các bên có liên quan

Đến năm 2030, bảo đảm 100% cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp và các-bon rừng được đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kiểm kê khí nhà kính, MRV và thị trường các-bon; đồng thời hướng dẫn để tối thiểu 70% chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng dân cư có rừng đủ điều kiện tham gia các hoạt động liên quan đến các-bon rừng.

đ) Hoàn thiện điều kiện tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế:

Hoàn thiện các điều kiện cần thiết về kỹ thuật, quản lý và pháp lý để tín chỉ các-bon rừng của thành phố đủ điều kiện tham gia thị trường các-bon trong nước; phấn đấu đến năm 2030 có tối thiểu 01 dự án đủ điều kiện đăng ký và tham gia giao dịch tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước theo lộ trình quốc gia và quy định của pháp luật; xem xét tiếp cận thị trường quốc tế nếu có cơ hội và tuân thủ lộ trình của chính phủ để tăng nguồn thu từ các-bon rừng.

e) Hình thành sản phẩm và giao dịch tín chỉ các-bon rừng:

Phấn đấu có từ 01 đến 03 dự án các-bon rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hợp tác tối thiểu 02 đối tác trong nước và quốc tế; hoàn thành tối thiểu 01–02 hồ sơ đăng ký dự án và tín chỉ các-bon rừng; ký kết tối thiểu 01 hợp đồng mua bán tín chỉ các-bon trong nước hoặc quốc tế, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, góp phần tăng trưởng, phát triển kinh tế, tái đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao sinh kế người dân.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2035

a) Hoàn thiện và vận hành ổn định hệ thống quản lý các-bon rừng trên địa bàn thành phố; nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu, hệ thống MRV và năng lực quản lý nhà nước trong phê duyệt dự án và cấp tín chỉ các-bon rừng, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của thị trường các-bon trong nước và từng bước tiếp cận các chuẩn mực quốc tế khi đủ điều kiện.

b) Chủ động kết nối nguồn cung tín chỉ các-bon rừng của thành phố với thị trường các-bon trong nước, gắn với định hướng phát triển Trung tâm Tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng và hệ thống giao dịch các-bon theo lộ trình của Chính phủ; từng bước nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để tham gia thị trường các-bon quốc tế khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

c) Mở rộng quy mô triển khai các dự án các-bon rừng trên các diện tích rừng có tiềm năng; từng bước hình thành nguồn tín chỉ các-bon rừng ổn định, có khả năng tham gia giao dịch theo quy định của pháp luật.

d) Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ môi trường rừng về hấp thụ và lưu giữ các-bon, tạo nguồn lực tài chính bền vững phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; góp phần nâng cao thu nhập cho chủ rừng, cộng đồng dân cư và các đối tượng tham gia bảo vệ rừng.

đ) Gắn phát triển các-bon rừng với các mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm giảm phát thải khí nhà kính, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần thực hiện cam kết phát thải ròng bằng “0” của Việt Nam và định hướng phát triển bền vững của thành phố Đà Nẵng.

e) Phấn đấu đưa thành phố Đà Nẵng trở thành địa phương có mô hình quản lý và phát triển các-bon rừng hiệu quả tại khu vực miền Trung, từng bước tham gia sâu vào thị trường các-bon và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi thực hiện

Đề án được triển khai trên toàn bộ địa bàn thành phố Đà Nẵng, áp dụng đối với các chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon rừng trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất theo quy định của pháp luật, bao gồm: bảo vệ rừng tự nhiên; phục hồi rừng; trồng rừng; làm giàu rừng; quản lý rừng bền vững; và các biện pháp lâm sinh nhằm tăng cường hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

3. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước:

UBND thành phố Đà Nẵng; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia triển khai dự án các-bon rừng:

Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các tổ chức được Nhà nước giao quản lý rừng; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị tư vấn, tổ chức trung gian và các bên có liên quan tham gia cung ứng, hỗ trợ, đầu tư, chuyển giao, giao dịch tín chỉ các-bon rừng theo quy định của pháp luật.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Điều tra, đánh giá tiềm năng, xây dựng cơ sở dữ liệu và hoàn thiện các điều kiện phục vụ phát triển các-bon rừng

a) Tổ chức điều tra, rà soát, đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố theo từng loại rừng, trạng thái rừng và hình thức quản lý; xác định diện tích rừng và khu vực có tiềm năng triển khai các dự án các-bon rừng, bảo đảm phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch có liên quan và quy định của pháp luật. Trên cơ sở kết quả rà soát, xây dựng danh mục các khu vực, dự án tiềm năng và hồ sơ quản lý kèm theo, làm căn cứ phục vụ công tác quản lý nhà nước, lựa chọn và tổ chức triển khai các dự án các-bon rừng theo quy định.

b) Xây dựng, cập nhật, quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu về rừng và các-bon rừng cấp thành phố, bảo đảm đầy đủ, đồng bộ, thống nhất với cơ sở dữ liệu lâm nghiệp và các hệ thống thông tin chuyên ngành theo quy định; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xác lập đường cơ sở (baseline), mức tham chiếu phát thải rừng (FREL/FRL) và xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát biến động các-bon rừng phục vụ công tác đo đạc, báo cáo, thẩm định và xác minh (MRV). Cơ sở dữ liệu được sử dụng trước hết cho mục tiêu quản lý nhà nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xây dựng và triển khai các dự án các-bon rừng theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng và tổ chức triển khai thí điểm các dự án các-bon rừng

a) Hướng dẫn, phối hợp tổ chức xây dựng và triển khai thí điểm các dự án các-bon rừng trên cơ sở diện tích rừng đã được xác định tiềm năng, theo các nhóm hoạt động gồm: bảo vệ rừng tự nhiên; phục hồi rừng; trồng rừng; làm giàu rừng; quản lý rừng bền vững và các biện pháp lâm sinh phù hợp nhằm duy trì, nâng cao trữ lượng các-bon rừng; bảo đảm không làm ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học, chức năng phòng hộ, an ninh nguồn nước và các giá trị môi trường của rừng.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ việc lựa chọn và thiết lập quan hệ hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp có đủ năng lực, kinh nghiệm để liên kết triển khai các dự án các-bon rừng theo quy định của pháp luật; bảo đảm tính bổ sung, điều chỉnh tương

ứng nếu cần thiết, tránh trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên cùng diện tích rừng.

3. Xây dựng, vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định và xác minh (MRV) phục vụ quản lý và giao dịch tín chỉ các-bon rừng

a) Tổ chức thu thập, tổng hợp, cập nhật số liệu, tài liệu liên quan; thực hiện điều tra, xác định hiện trạng rừng, sinh khối và trữ lượng các-bon rừng theo từng dự án và từng kỳ báo cáo; tính toán lượng giảm phát thải khí nhà kính và lượng tăng hấp thụ các-bon rừng; lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ, dữ liệu và báo cáo kết quả thực hiện dự án, bảo đảm đầy đủ, nhất quán, minh bạch, phục vụ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn việc lựa chọn, thuê các tổ chức thẩm định, xác minh đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện thẩm định, xác minh kết quả giảm phát thải và tăng hấp thụ các-bon rừng; tổ chức cung cấp hồ sơ, số liệu, giải trình kỹ thuật theo yêu cầu; tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả thực hiện dự án theo quy định.

4. Hoàn thiện cơ chế tài chính, quản lý nguồn thu và phân chia lợi ích từ các hoạt động các-bon rừng

a) Tổ chức triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; hướng dẫn xây dựng, đăng ký, quản lý và khai thác tín chỉ các-bon rừng theo quy định của pháp luật; từng bước hình thành nguồn cung tín chỉ các-bon rừng của thành phố phục vụ tham gia thị trường các-bon trong nước và kết nối với thị trường quốc tế khi đủ điều kiện theo quy định.

b) Tổ chức thực hiện cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu từ tín chỉ các-bon rừng theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, chủ rừng, cộng đồng dân cư và các bên liên quan; gắn với trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng; ưu tiên tái đầu tư cho quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái rừng và nâng cao sinh kế của người dân.

c) Lồng ghép nguồn thu từ tín chỉ các-bon rừng với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các chương trình, dự án lâm nghiệp khác theo quy định; bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực, tránh trùng lặp, chồng chéo.

d) Chủ động thu hút các nguồn lực từ khu vực tư nhân, các quỹ đầu tư xanh, quỹ khí hậu, các tổ chức quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng, triển khai các dự án các-bon rừng; khuyến khích các hình thức hợp tác công tư, hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ và phát triển các mô hình tài chính xanh trong lĩnh vực lâm nghiệp.

đ) Phối hợp nghiên cứu cơ chế kết nối nguồn cung tín chỉ các-bon rừng của thành phố với thị trường các-bon trong nước, Trung tâm Tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng, sàn giao dịch các-bon và các cơ chế tài chính xanh theo lộ trình phát triển thị trường các-bon quốc gia.

5. Phát triển thị trường các-bon rừng, thúc đẩy hợp tác và huy động nguồn lực trong nước, quốc tế

a) Rà soát, nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý tài nguyên các-bon rừng, cơ chế chia sẻ lợi ích, quản lý nguồn thu, huy động nguồn lực đầu tư và phát triển thị trường các-bon rừng, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn của thành phố.

b) Xúc tiến, thu hút và lựa chọn các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có đủ năng lực tham gia đầu tư, liên kết triển khai các dự án các-bon rừng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật để hình thành nguồn cung tín chỉ hợp pháp và chất lượng, đáp ứng yêu cầu của người mua.

c) Thiết lập và duy trì cơ chế phối hợp, hợp tác giữa cơ quan nhà nước, chủ rừng, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, các bộ, ngành, tổ chức quốc tế, quỹ khí hậu, tổ chức tài chính, tổ chức chứng nhận, viện nghiên cứu, trường đại học và các đối tác trong nước, quốc tế nhằm huy động nguồn lực, tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm và phát triển các dự án các-bon rừng trên địa bàn thành phố.

d) Hỗ trợ kết nối, hướng dẫn đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán tín chỉ các-bon khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; từng bước tham gia thị trường các-bon trong nước theo lộ trình quốc gia.

đ) Theo dõi, cập nhật thông tin về thị trường các-bon trong nước và quốc tế; hướng dẫn các chủ thể tiếp cận các tiêu chuẩn, cơ chế giao dịch phù hợp theo quy định.

6. Nâng cao năng lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, chủ rừng và cộng đồng dân cư về các-bon rừng, bao gồm: xây dựng và quản lý dự án các-bon rừng; thực hiện hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định và xác minh (MRV); phê duyệt dự án và cấp tín chỉ các-bon rừng; quản lý, sử dụng nguồn lợi từ tín chỉ các-bon rừng theo quy định của pháp luật; từng bước chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và triển khai dự án các-bon rừng.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và giám sát các-bon rừng; từng bước ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), cơ sở dữ liệu số, nền tảng số dùng chung và các công cụ phân tích, mô hình hóa phục vụ công tác kiểm kê rừng, theo dõi biến động rừng và các-bon rừng; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, xây dựng và triển khai các dự án các-bon rừng theo quy định.

c) Tăng cường nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao các tiến bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực lâm nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính và các-bon rừng; khuyến khích hợp tác với các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng chuyên môn,

kỹ thuật trong xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống MRV và triển khai các dự án các-bon rừng.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật và thông tin về các-bon rừng, thị trường các-bon và dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng; đa dạng hóa hình thức truyền thông, bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng; qua đó nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội và huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai Đề án.

(Chi tiết các nhiệm vụ và giải pháp tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì tham mưu UBND thành phố báo cáo, trình Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố ban hành Nghị quyết về tập trung đẩy mạnh xây dựng và thực hiện các dự án về các-bon rừng; đồng thời nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách nhằm huy động nguồn lực, thúc đẩy phát triển các-bon rừng trở thành lĩnh vực kinh tế mới của ngành lâm nghiệp thành phố.

b) Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tổ chức rà soát, điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp; xác định diện tích rừng, khu vực có tiềm năng triển khai các dự án các-bon rừng trên địa bàn thành phố, bảo đảm phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, chủ rừng xây dựng, đăng ký, tổ chức thực hiện và giám sát các dự án các-bon rừng; bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chuyên môn và các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, biến đổi khí hậu và thị trường các-bon.

d) Tổ chức xây dựng, cập nhật, quản lý, duy trì và vận hành cơ sở dữ liệu về rừng và các-bon rừng trên địa bàn thành phố; phục vụ công tác đo đạc, báo cáo, thẩm định và xác minh (MRV); đồng thời thực hiện kết nối, cập nhật thông tin với các hệ thống đăng ký, quản lý tín chỉ các-bon theo quy định của pháp luật.

e) Chủ trì đơn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án và các dự án các-bon rừng; trong đó tập trung phối hợp xây dựng dự án các-bon rừng đề xuất thuộc dự án Phục hồi và hỗ trợ sinh kế trên địa bàn thành phố do Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (WWF) tài trợ đã được phê duyệt; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND thành phố và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định; nghiên cứu, tham mưu UBND thành phố xem xét thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Tổ công tác liên ngành về phát triển các-bon rừng khi cần thiết nhằm bảo đảm sự chỉ đạo, điều phối thống nhất trong quá trình triển khai Đề án.

f) Chủ trì tổ chức thực hiện cơ chế quản lý, tiếp nhận, sử dụng và chi trả nguồn thu từ tín chỉ các-bon rừng thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm

công khai, minh bạch, đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện hạch toán, theo dõi riêng và phân chia lợi ích theo cơ chế được cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu UBND thành phố ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về cơ chế tài chính, quy định, trình tự, thủ tục quản lý nguồn thu, chi và lựa chọn đối tác tham gia các hoạt động đầu tư, hợp tác, giao dịch liên quan đến tín chỉ các-bon rừng trên địa bàn thành phố, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và lộ trình phát triển thị trường các-bon.

b) Chủ trì tham mưu UBND thành phố cân đối, bố trí kinh phí trong khả năng ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai Đề án theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ tín chỉ các-bon rừng theo quy định của pháp luật; tham gia kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí và thực hiện cơ chế tài chính liên quan đến tín chỉ các-bon rừng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển các-bon rừng theo quy định.

b) Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), cơ sở dữ liệu số, công cụ phân tích và mô hình hóa phục vụ công tác kiểm kê rừng, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống MRV và triển khai các dự án các-bon rừng theo quy định.

c) Phối hợp kết nối, huy động nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong triển khai Đề án.

4. Trung tâm Tài chính quốc tế Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc nghiên cứu, tư vấn, hỗ trợ kết nối các hoạt động tài chính xanh, tài chính khí hậu và các cơ chế huy động vốn hợp pháp phục vụ phát triển các dự án các-bon rừng trên địa bàn thành phố.

b) Hỗ trợ xúc tiến, kết nối với các tổ chức tài chính, nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước quan tâm đến thị trường các-bon; tham gia tư vấn, hỗ trợ xây dựng, đàm phán và thực hiện các giao dịch tín chỉ các-bon rừng theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp nghiên cứu, đề xuất các mô hình, công cụ tài chính phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực từ tín chỉ các-

bon rừng, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển thị trường tài chính và thị trường các-bon của thành phố.

5. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong tổ chức triển khai thực hiện Đề án; lồng ghép các nội dung có liên quan vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý; tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thị trường các-bon và cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

6. UBND cấp xã

a) Phối hợp tổ chức triển khai các dự án các-bon rừng trên địa bàn; hỗ trợ công tác kiểm tra hiện trường, theo dõi, giám sát việc thực hiện dự án; kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

b) Phối hợp tuyên truyền, vận động người dân, cộng đồng dân cư tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tham gia cung ứng dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng theo quy định của pháp luật.

7. Các tổ chức, cá nhân tham gia dự án các-bon rừng

a) Chủ rừng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tham gia xây dựng, triển khai thực hiện các dự án các-bon rừng theo quy định; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về kỹ thuật, tài chính, môi trường và xã hội theo quy định của pháp luật và các cam kết đã ký kết.

b) Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu cung cấp.

c) Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ tín chỉ các-bon rừng; chấp hành cơ chế phân chia lợi ích và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ triển khai Đề án phát triển và quản lý tín chỉ các-bon rừng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 dự kiến là 60.293.000.000 đồng (sáu mươi tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu đồng), từ nguồn ngân sách thành phố và nguồn huy động từ Tổ chức bảo vệ Thiên nhiên quốc tế (WWF) được bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân kỳ phù hợp với tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Đề án. Trong đó, nhiệm vụ điều tra, rà soát, xác định hiện trạng rừng và trữ lượng các-bon rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã được phê duyệt, cấp kinh phí thực hiện năm 2026 là 34.293.000.000 đồng.

Kèm theo Đề án là Phụ lục danh mục nhiệm vụ triển khai giai đoạn 2026-2030, trong đó xác định rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và dự toán kinh phí làm căn cứ tổ chức triển khai, quản lý và giám sát việc sử dụng kinh phí.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án giai đoạn tiếp theo (sau năm 2030) được xác định trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2026–2030. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND thành phố xây dựng, ban hành danh mục nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ và các nhiệm vụ liên quan đến tín chỉ các-bon rừng giai đoạn 2031–2035, kèm theo dự toán kinh phí và thời gian thực hiện theo quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Đề án được bảo đảm từ các nguồn hợp pháp sau:

a) Nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, được bố trí theo các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án có liên quan đang triển khai trên địa bàn thành phố theo quy định.

c) Nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bao gồm nguồn tài trợ, hỗ trợ, hợp tác của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Thành ủy; TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành thành phố;
- Sở Tư pháp;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các PCVP UBND TP;
- UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh truyền hình TP;
- Các phòng trực thuộc VPUBND TP;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Nam Hưng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ TÍN CHỈ CÁC-BON RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2026-2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ/ hạng mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)			Kết quả đầu ra	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách nhà nước	Huy động		
I	Điều tra, đánh giá tiềm năng, xây dựng cơ sở dữ liệu và hoàn thiện các điều kiện phục vụ phát triển các-bon rừng								
1	Điều tra, rà soát, xác định hiện trạng rừng và trữ lượng các-bon rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, chủ rừng và các cơ quan đơn vị liên quan	2026-2027	34.293	34.293		CSDL về diện tích rừng, trữ lượng rừng và trữ lượng các-bon rừng	Đã phê duyệt, cấp kinh phí, hiện đang triển khai thực hiện
2	Phối hợp xây dựng, cập nhật đường cơ sở (Baseline), mức tham chiếu phát thải rừng và suy thoái rừng (FREL/FRL) phục vụ phát triển dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường; các chủ rừng; đơn vị tư vấn	2026-2030		X		Hồ sơ, dữ liệu Baseline, FREL/FRL theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Tên nhiệm vụ/ hạng mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)			Kết quả đầu ra	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách nhà nước	Huy động		
	tín chỉ các-bon rừng								
3	Rà soát, phân loại diện tích rừng có tiềm năng phát triển dự án các-bon rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, chủ rừng và các cơ quan đơn vị liên quan	2026- 2030	700	X	700	Danh mục khu vực ưu tiên phát triển dự án các-bon rừng	WWF phối hợp hỗ trợ
II	Xây dựng và tổ chức triển khai thí điểm các dự án các-bon rừng								
4	Xây dựng hồ sơ đề xuất từ 01-03 dự án thí điểm tín chỉ các-bon rừng	Chủ rừng hoặc đơn vị được UBND thành phố giao làm chủ dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường, đơn vị tư vấn, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	2026- 2030	400	X	400	Hồ sơ đề xuất dự án các-bon rừng	WWF phối hợp hỗ trợ
5	Hoàn thiện hồ sơ đăng ký dự án theo	Chủ dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường,	2027- 2030		X		Hồ sơ đăng ký dự án các-bon rừng hợp lệ	WWF phối hợp

TT	Tên nhiệm vụ/ hạng mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)			Kết quả đầu ra	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách nhà nước	Huy động		
	tiêu chuẩn, quy định áp dụng		đơn vị tư vấn, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan						hỗ trợ về kỹ thuật
6	Triển khai thực hiện dự án; đo đạc, báo cáo, thẩm định, xác minh và đăng ký phát hành tín chỉ các-bon	Chủ dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường, đơn vị tư vấn, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	2027- 2030	300	X	300	Tín chỉ các-bon đủ điều kiện phát hành	WWF phối hợp hỗ trợ
III	Xây dựng, vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định và xác minh (MRV) phục vụ quản lý và giao dịch tín chỉ các-bon rừng								
7	Tổ chức triển khai, hướng dẫn áp dụng hệ thống MRV phục vụ quản lý và phát triển các dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ	2027- 2030		X		Văn bản, tài liệu, hướng dẫn	WWF phối hợp hỗ trợ về kỹ thuật

TT	Tên nhiệm vụ/ hạng mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)			Kết quả đầu ra	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách nhà nước	Huy động		
	tín chỉ các-bon rừng		quan, đơn vị liên quan						
8	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện MRV đối với các dự án các-bon rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chủ dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan	2027- 2030	400	X	400	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát	WWF phối hợp hỗ trợ
IV	Hoàn thiện cơ chế tài chính, quản lý nguồn thu và phân chia lợi ích từ các hoạt động các-bon rừng								
9	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/2025/NQ- HĐND ngày 11/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về sử dụng nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon; hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn thu và phân chia lợi ích từ các hoạt động tín chỉ các-bon rừng theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, chủ rừng và các cơ quan đơn vị liên quan	2027- 2030		X		Hướng dẫn thực hiện; cơ chế quản lý, sử dụng và phân chia lợi ích được tổ chức thực hiện	

[illegible]

TT	Tên nhiệm vụ/ hạng mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)			Kết quả đầu ra	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách nhà nước	Huy động		
12	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực về kiểm kê khí nhà kính, MRV, phát triển dự án và thị trường các-bon rừng cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, chủ rừng và các tổ chức, cá nhân liên quan.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, các tổ chức quốc tế, UBND các xã, phường, chủ rừng và các cơ quan đơn vị liên quan	2027-2030	800	400	400	Các lớp đào tạo, tập huấn	Bình quân 100 triệu/năm; WWF phối hợp hỗ trợ
13	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về tín chỉ các-bon rừng; nâng cao nhận thức của cộng đồng, chủ rừng, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan báo chí, truyền thông; chủ rừng và các cơ quan	2026-2030	900	600	300	Chương trình, tài liệu tuyên truyền; hội nghị, hội thảo, Phóng sự, tin/bài truyền thông; tài liệu tuyên truyền	WWF phối hợp hỗ trợ

TT	Tên nhiệm vụ/ hạng mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)			Kết quả đầu ra	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách nhà nước	Huy động		
			đơn vị liên quan						
14	Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và hợp tác nghiên cứu phục vụ quản lý, giám sát tài nguyên rừng, cơ sở dữ liệu các-bon rừng và phát triển thị trường các-bon	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, chủ rừng và các cơ quan đơn vị liên quan	2026- 2030		X		Các giải pháp công nghệ, cơ sở dữ liệu được ứng dụng; các chương trình hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ	WWF phối hợp hỗ trợ về kỹ thuật
	Tổng cộng				60.293	35.293	25.000		